TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE** Số: **16**/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

B, ngày 22 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Long An, xã L, huyện B, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Chị **Bùi Thị Ngọc H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Hưng Thạnh, xã C , huyện B, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Bùi Thị Ngọc H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Bùi Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Văn H được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị N H, sinh ngày 19/8/2014.

Ghi nhận sự tự nguyện anh H nuôi con không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị Ngọc H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Trần Văn H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Bùi Thị Ngọc H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn H tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021081, ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Như vậy, anh Trần Văn H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre (số 50, Quyển 02/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu